

Bản án số: 226/2020/DS-PT
Ngày 07-8-2020
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Tôn
Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Bích Thủy
Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Linh là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 6, ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2020/TLPT-DS ngày 17/4/2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 179/2020/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 274/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2020, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử phúc thẩm số 244/TB-TA ngày 03 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Lê Kim C, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số nhà x, đường Đ, khóm x, Phường x, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Kim C: Anh Cao Minh T, sinh năm 1970 (theo văn bản ủy quyền ngày 20/02/2019);

Địa chỉ: Số nhà x, khóm S1, phường T1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

* Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1974; Chức vụ: Giám đốc, (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 2, ngày 08/5/2017);

Địa chỉ trụ sở: Số x, khóm x, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Băng G, sinh năm 1957 (theo văn bản ủy quyền ngày 11/4/2019);

Địa chỉ: Số nhà x, khóm M, thị trấn M1, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đồng Phú S1, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số nhà x, đường Đ, khóm x, Phường x, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Lê Thanh H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số nhà x, đường T3, khóm x, Phường x, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Đình T4, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số nhà x, khóm x, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Đình T4: Bà Võ Thị Băng G, sinh năm 1957 (theo văn bản ủy quyền ngày 31/12/2019);

Địa chỉ: Số nhà x, khóm M, thị trấn M1, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp.

4. Đinh Thị Thu T5, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Tổ x, ấp T6, xã A, huyện C2, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Cao Minh T, bà Võ Thị Băng G có mặt tại phiên tòa. Anh Đồng Phú S1, ông Lê Thanh H và chị Đinh Thị Thu T5 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện bà Lê Kim C và anh Cao Minh T đại diện theo ủy quyền của bà C trình bày:*

Ngày 01/11/2016, bà C cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2 (gọi tắt là Công ty T2) vay số tiền 350.000.000 đồng, khi vay ông Nguyễn Đình T4 đại diện Công ty T2 có làm biên nhận và có thể chấp cho bà C hai nền nhà theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là giấy chứng nhận QSDĐ) thửa số 145 và 246 cùng tờ bản đồ số 35 diện tích mỗi nền là 90m², đất tọa lạc tại khu dân cư khóm x, thị trấn L, huyện L do Công ty T2 đứng tên. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 02%/tháng nhưng không ghi trong biên nhận và không có thỏa thuận thời hạn trả.

Sau khi vay tiền, không nhớ rõ thời gian Công ty T2 đã mượn lại giấy chứng nhận QSDĐ và chuyển nhượng 2 thửa đất số 145 và 246 cho người khác nhưng Công ty T2 không trả tiền cho bà C. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty T2 thay đổi lần 2 ngày 08/5/2017 thì người đại diện theo pháp luật của Công ty T2 là ông Nguyễn Đình K. Từ khi vay đến nay Công ty T2 không có trả tiền lãi cho bà C.

Nay bà C yêu cầu Công ty T2 - người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T4 liên đới trả lại cho bà C số tiền vốn vay 350.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/11/2016 đến ngày 01/02/2020 theo mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là 113.295.000 đồng, tổng cộng là 463.295.000 đồng. Bà C xác định không có giữ giấy chứng nhận QSDĐ nào của Công ty T2 nên không đồng ý trả lại giấy chứng nhận QSDĐ thửa 323, 324 cùng tờ bản đồ 35 cho Công ty T2.

** Theo Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2 - người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và bà Võ Thị Băng G đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình T4 trình bày:*

Vào ngày 01/11/2016, ông Nguyễn Đình T4 - đại diện Công ty T2 trước đây có làm biên nhận vay tiền của bà Lê Kim C số tiền 350.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay. Từ khi vay đến nay Công ty T2 không có đóng lãi cho bà C. Khi vay có thể chấp 02 giấy chứng nhận QSDĐ do Công ty T2 đứng tên thuộc các thửa số 145 và 246 cùng tờ bản đồ số 35 cho bà C giữ, nhưng sau đó Công ty T2 đã mang giấy chứng nhận QSDĐ thửa số 323, 324, tờ bản đồ 35 giao cho bà C và đồng thời bà C đồng ý trả lại giấy chứng nhận QSDĐ thửa 145 và 246 cùng tờ bản đồ 35 để Công ty T2 chuyển nhượng cho người khác.

Ngày 24/4/2018, ông K đến gặp anh Đồng Phú S1 con của bà C là người giao tiền vay để thỏa thuận trả tiền vay và nhận giấy chứng nhận QSDĐ về nhưng anh S1 nói là ông Lê Thanh H hiện là Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố S đã trả cho bà C số tiền Công ty T2 vay của bà C và anh S1 đã giao 02 giấy chứng nhận QSDĐ nói trên cho ông Lê Thanh H giữ.

Hiện tại ông Nguyễn Đình K là người đại diện theo pháp luật của Công ty T2 và ông Nguyễn Đình T4 đồng ý liên đới trả cho bà C tiền vốn vay 350.000.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi từ ngày 01/11/2016 đến ngày 01/02/2020 theo mức lãi suất là 0,83%/tháng với số tiền là 113.295.000 đồng, tổng cộng 463.295.000 đồng cho bà C. Công ty T2 yêu cầu bà C, anh S1, ông H trả lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ thuộc các thửa 323, 324 cùng tờ bản đồ số 35 cho Công ty T2.

Tại phiên tòa bà Võ Thị Băng G xác định Công ty T2 và ông Nguyễn Đình T4 yêu cầu bà C, anh S1 trả lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ thuộc các thửa 323, 324 cùng tờ bản đồ số 35 cho Công ty T2, không yêu cầu ông H trả.

** Theo ông Lê Thanh H có văn bản trình bày:* Ông H không có giữ giấy chứng nhận QSDĐ thửa số 323, 324, tờ bản đồ 35 như ông K trình bày. Ông H xác định có giữ của Công ty T2 01 giấy chứng nhận QSDĐ thửa 321, tờ bản đồ 35 cấp ngày 31/12/2013, thay đổi thành thửa 371 ngày 28/11/2016. Vì vậy ông H không đồng ý yêu cầu của Công ty T2 và xác định yêu cầu trên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

** Theo anh Đồng Phú S1 có văn bản trình bày:* Anh S1 không có giữ giấy chứng nhận QSDĐ thửa số 323, 324, tờ bản đồ số 35 như ông K trình bày. Vì vậy anh S1 không đồng ý theo yêu cầu của Công ty T2.

** Theo chị Đinh Thị Thu T5 trình bày:* Ngày 27/02/2017, chị T5 có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Công ty T2 thửa đất số 323 và 324 cùng tờ bản đồ số 35, diện tích mỗi thửa là 90m², địa chỉ thửa đất tại khóm x, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Hợp đồng được các bên thực hiện xong và chị T5 đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với 02 thửa đất nêu trên vào ngày 21/3/2017. Chị T5 đã chuyển nhượng đất của Công ty T2 hợp pháp nên Công ty T2 yêu cầu bà C, anh S1, ông H trả lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ thửa 323 và 324 cùng tờ bản đồ số 35 thì Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T5 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Kim C.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Lê Kim C với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2 - người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T4.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2- người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T4 liên đới trả cho bà Lê Kim C số tiền vốn vay và lãi tổng cộng là 463.295.000 đồng.

Bác yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2 - người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T4 về việc yêu cầu bà C, anh S1 trả lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ thuộc các thửa 323, 324, cùng tờ bản đồ số 35 cho Công ty T2.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/02/2020, Công ty T2 kháng cáo: Kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu buộc bà Lê Kim C, anh Đồng Phú S1 trả lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ đất thuộc các thửa 323, 324, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại khóm x, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cho Công ty T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Cao Minh T trình bày: Yêu cầu Công ty T2 - người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T4 liên đới trả cho bà Lê Kim C số tiền vốn vay và lãi tổng cộng là 463.295.000 đồng. Không đồng ý theo yêu cầu của Công ty T2 và ông Nguyễn Đình T4.

Bà Võ Thị Băng G trình bày: Công ty T2 - người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T4 đồng ý liên đới trả cho bà Lê Kim C số tiền vốn vay và lãi tổng cộng là 463.295.000 đồng. Yêu cầu bà C và anh S1 trả lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ thuộc các thửa 323, 324, tờ bản đồ số 35 cho Công ty T2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 - Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2 còn trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến lần thứ hai nhưng anh S1, chị T5, ông H vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 - Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty T2 yêu cầu buộc bà Lê Kim C, anh Đồng Phú S1 trả lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ thuộc các thửa 323, 324, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại khóm x, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cho Công ty T2.

Xét thấy:

[2.1] Công ty T2 - người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T4 yêu cầu bà C, anh S1 trả lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ thuộc các thửa 323, 324 cùng tờ bản đồ số 35 cho Công ty T2. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà C xác định khi vay tiền Công ty T2 có thể chấp 02 giấy chứng nhận QSDĐ thửa 145 và 246, tờ bản đồ 35 nhưng sau đó Công ty T2 đã mượn lại. Đại diện của Công ty T2 đã thừa nhận vấn đề này. Tuy nhiên, Công ty T2 cho rằng có giao lại cho bà C giữ 02 giấy chứng nhận QSDĐ thuộc các thửa 323, 324, tờ bản đồ số 35 nhưng khi giao không có làm giấy tờ giao nhận, đồng thời bà C không thừa nhận việc này. Trên cơ sở tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện trong hồ sơ thì 02 giấy chứng nhận QSDĐ thuộc các thửa 323, 324, tờ bản đồ số 35 của Công ty T2 đã đăng ký thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố S từ ngày 27/10/2016 (trước ngày vay tiền của bà C là ngày 01/11/2016) đến ngày 23/02/2017 thì xóa thế chấp và Công ty T2 đã chuyển nhượng 02 thửa đất này cho chị Đình Thị Thu T5 ngày 27/02/2017, chị T5 đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận QSDĐ 02 thửa đất nêu trên nên việc Công ty T2 trình bày trong thời gian vay tiền của bà C công ty T2 đã giao 02 giấy chứng nhận QSDĐ thuộc các thửa 323, 324, tờ bản đồ số 35 cho bà C giữ là không có cơ sở. Đồng thời qua xem

xét việc ghi âm cuộc nói chuyện qua điện thoại của ông T4 và anh S1 do Công ty T2 cung cấp cũng không thể hiện rõ bà C và anh S1 đã giữ 02 giấy chứng nhận QSDĐ thuộc các thửa 323, 324, tờ bản đồ số 35 của Công ty T2. Theo các căn cứ nhận định trên xét việc yêu cầu của Công ty T2 - người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T4 là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của bà Lê Kim C yêu cầu Công ty T2 - người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T4 liên đới trả lại số tiền vốn vay 350.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 01/11/2016 đến ngày 01/02/2020 theo mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là 113.295.000 đồng, tổng cộng là 463.295.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty T2 - người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T4 thừa nhận có vay của bà C số tiền là 350.000.000 đồng, theo biên nhận ngày 01/11/2016 và từ khi vay đến nay không có trả vốn và lãi cho bà C.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà G đại diện theo ủy quyền của Công ty T2 và ông Nguyễn Đình T4 xác định Công ty T2 - người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T4 có vay tiền của bà C và hiện còn nợ số tiền vốn vay là 350.000.000 đồng, Công ty T2 - người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T4 đồng ý liên đới trả cho bà C số tiền vốn vay là 350.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/11/2016 đến ngày 01/02/2020 theo mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là 113.295.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 463.295.000 đồng. Cho nên xét việc bà C yêu cầu là có căn cứ.

Do Công ty T2 - người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T4 đồng ý liên đới trả tiền vốn vay và lãi theo yêu cầu của bà C nên công nhận sự thỏa thuận giữa bà Lê Kim C với Công ty T2 - người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T4.

Qua lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy anh Cao Minh T đại diện theo ủy quyền của bà C trình bày và yêu cầu là có căn cứ. Việc trình bày và yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Băng G đại diện theo ủy quyền của Công ty T2 là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không có yêu cầu thu thập và cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm.

[4] Từ các căn cứ, nhận định và phân tích nêu trên, xét thấy án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Xét kháng cáo của Công ty T2 là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Xét việc đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Kim C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2 - người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1- Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 26, Điều 35, Điều 38, Điều 39, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim C.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Lê Kim C với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2 - người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T4.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2 - người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T4 đồng ý liên đới trả cho bà Lê Kim C số tiền vốn vay và lãi tổng cộng là 463.295.000 đồng (*bốn trăm sáu mươi ba triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2 - người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T4 về việc yêu cầu bà Lê Kim C, anh Đồng Phú S1 trả lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ thuộc các thửa 323, 324, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại khóm 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho bà Lê Kim C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.806.000 đồng theo biên lai số 000xxxx ngày 05/01/2019 và 1.169.000 đồng theo biên lai số 000xxxx ngày 19/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2 - người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T4 phải nộp 22.531.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2 - người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0000xxx ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phát triển đô thị T2 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tỉnh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thành Tôn